

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 15/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh và ông Đàm Văn Nhạ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà La Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực A, Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A, Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HS, ngày 19 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn A. Tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/3/1989 tại tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình); Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình).

Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên).

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị D; có vợ là Đinh Kiều O và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Lương Công Tr, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Trần Văn Ng, sinh năm 1986, trú tại thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Chu Văn Tr1, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Đinh Kiều O, sinh năm 1991 trú tại thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn (nay là tỉnh Thái Nguyên) nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung: Phạm Văn A— hiện đang kinh doanh cửa hàng điện thoại Quang A tại tiểu Khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên) cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật, có biểu hiện hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn (nay là tỉnh Thái Nguyên) đã phân công tổ công tác tiến hành phối hợp với Công an thị trấn V (nay là xã N) và chính quyền địa phương kiểm tra, xác minh nguồn tin trên và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có liên quan đến Phạm Văn A. Kết quả:

Tại nơi ở của Phạm Văn A thuộc tiểu Khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên), Cơ quan điều tra phát hiện và tạm giữ: Số tiền 3.350.000 đồng (tổ công tác tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu T1); 01 giấy vay tiền đề ngày 10/6/2020 đề tên người vay là Trần Tuấn A1, người cho vay Phạm Văn A, số tiền vay là 10.250.000 đồng; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 007880 đề tên chủ xe Trần Sioóng Ch, biển số 97F7-6778; 01 thẻ ATM số 9704 0510 4249 0832 mang tên Phạm Văn A (các giấy tờ trên được tổ công tác niêm phong trong phong bì ký hiệu T2).

Tại cửa hàng điện thoại của Phạm Văn A thuộc tiểu Khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên), Cơ quan điều tra phát hiện và tạm giữ: 01 căn cước công dân số 006 207 000 201 mang tên Lý Hữu Tr2; số tiền 19.465.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 promax mặt lưng màu đen, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng; 03 quyển sổ ghi chép màu đen và 01 quyển sổ ghi chép màu đỏ, bên trong có ghi chép một số nội dung, 01 quyển sổ ghi chép màu tím than, bên trong có ghi chép một số nội dung (tổ công tác niêm phong các đồ vật, tài sản trên trong 01 hộp các-tông ký hiệu A); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màn hình cảm ứng, mặt lưng màu xanh, cũ, đã qua sử dụng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 074729 mang tên Nguyễn Thị Q (tổ công tác niêm phong trong phong bì ký hiệu A1) và 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu xanh xám đen, biển số 97B1-999.20.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2025, Phạm Văn A cho 03 người vay tiền với lãi suất từ 108%/năm đến 240%/năm, cao gấp 5,4 lần đến 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền cho vay là 150.000.000 đồng trong đó, số tiền gốc người vay đã trả là 150.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu của người vay là 38.700.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 33.033.334 đồng. Cụ thể:

1. Đối với anh Lương Công Tr: Khoảng tháng 01/2025, Phạm Văn A cho anh Lương Công Tr vay số tiền 20.000.000 đồng. Việc vay không có người chứng kiến, không lập giấy tờ, không thế chấp tài sản gì. Ngày 21/01/2025, A đã thu được của Tr lãi suất 01 tháng của khoản vay trên là 4.000.000đ (tương đương lãi suất 240%/năm) (Tr thực hiện chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Agribank số 8604 2288 28888 của Tr đến tài khoản ngân hàng MB Bank số 9992 6868 99999 của A, A thu lợi bất chính số tiền 3.666.667 đồng.

Khoảng đầu tháng 02/2025, Tr tiếp tục đặt vấn đề vay của A thêm số tiền 50.000.000 đồng. Do là khoản tiền lớn nên A yêu cầu Tr viết giấy bán xe ô tô biển số 97A-092.61 của Tr và để lại giấy đăng ký xe cho A, khoản vay mới là 70.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng vay mới và 20.000.000 đồng vay trước đó), A và Tr thỏa thuận lãi suất là 8.500.000 đồng/tháng (tương đương lãi suất 145,7%/năm). A đã thu được của Tr lãi suất 02 tháng của khoản vay trên vào ngày 16, 17/3/2025 và 15/4/2025 tổng cộng là 17.000.000 đồng (Tr chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Agribank số 8602 1888 28888 của Tr đến tài khoản Ngân hàng MB Bank số 9992 6868 99999 của A), trong đó, A thu lợi bất chính số tiền 14.666.667 đồng. Từ tháng 04/2025 đến ngày 13/5/2025 (ngày A bị phát hiện hành vi vi phạm), A không thu thêm khoản tiền lãi nào của Tr. Đến tháng 05, 06/2025, anh Tr đã trả hết số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng cho Phạm Văn A.

Như vậy, đối với các khoản vay của Lương Công Tr, Phạm Văn A đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 18.333.334 đồng.

2. Đối với anh Trần Văn Ng: Ngày 21/01/2025, Phạm Văn A cho Trần Văn Ng vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.000.000 đồng/tháng (tương đương lãi suất 120%/năm). Việc vay không có người chứng kiến, không lập giấy tờ, không thế chấp tài sản gì. Từ tháng 02/2025 đến tháng 04/2025, A đã thu được số tiền lãi 03 tháng đối với khoản vay của Ng là 15.000.000 đồng (Ngày 21/02/2025 và ngày 21/3/2025, Ng chuyển khoản 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 8604 6868 26688 của Ng đến tài khoản ngân hàng Agribank số 8604 8888 69999 của Phạm Văn A, ngày 22/4/2025, Ng chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 8604 6868 26688 của Ng đến tài khoản ngân hàng MB Bank số 9992 6868 99999 của A). Sau đó, A không thu thêm khoản tiền lãi nào đối với Trần Văn Ng. Đến tháng 06/2025, Ng đã trả xong số

tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng cho A. Đối với khoản vay của Trần Văn Ng, Phạm Văn A đã thu lợi bất chính số tiền 12.500.000 đồng.

3. Đối với anh Chu Văn Tr1: Ngày 04/4/2025, Phạm Văn A cho Chu Văn Tr1 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2.700.000 đồng/tháng (tương đương lãi suất 108%/năm). Việc vay không có người chứng kiến, không lập giấy tờ, không thế chấp tài sản gì. Ngày 05/5/2025, A đã thu số tiền lãi 01 tháng đối với khoản vay của Tr1 là 2.700.000 đồng (Tr1 trực tiếp đến cửa hàng điện thoại để trả tiền mặt cho A). Sau đó, A không thu thêm khoản lãi nào đối với Tr1. Đến nay, Tr1 đã trả xong số tiền gốc là 30.000.000 đồng cho A. Đối với khoản vay của Chu Văn Tr1, Phạm Văn A thu lợi bất chính số tiền 2.200.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính mà Phạm Văn A đã thu được của những người nêu trên là 33.033.334 đồng.

Về số tiền lãi 15.000.000 đồng thu của anh Chu văn Tr1 và số tiền lãi 2.700.000 đồng thu của anh Trần Văn Ng bị cáo đã trả lại hết cho anh Tr1 và anh Ng đầy đủ.

Tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Phạm Văn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 giấy vay tiền đề ngày 10/6/2020, người vay Trần Tuấn A1 và 03 quyển sổ khi chép màu đen, 01 quyển sổ ghi chép màu đỏ, 01 quyển sổ ghi chép màu tím than, 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 007880 đề tên chủ xe Trần Sioóng Ch, biển số đăng ký 97F7-6778, quá trình điều tra xác định những đồ vật trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại giấy vay tiền, sổ cho bị cáo Phạm Văn A, trả đăng ký xe cho Trần Tuấn A1, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với 01 căn cước công dân số 006 207 000 201 mang tên Lý Hữu Tr2, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội (Tr2 để lại căn cước khi làm thủ tục trả góp tiền mua điện thoại, không tính lãi suất với Phạm Văn A), Cơ quan điều tra đã trả lại giấy tờ cho Lý Hữu Tr2.

- Đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 074729 mang tên Nguyễn Thị Q và 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu xanh xám đen, biển số 97B1-999.20 quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là Dìu Văn Th, sinh năm 1996, trú tại thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với 01 giấy bán xe biển số 97A-092.61 do Lương Công Tr viết ghi vay nợ của Phạm Văn A, A khai đã hủy khi Tr trả nợ gốc, còn giấy chứng nhận đăng ký xe anh Tr đã lấy lại để làm thủ tục đăng kiểm xe.

- Đối với các vật chứng gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 15 promax, đã qua sử dụng, mặt ốp lưng màu đen, máy được gắn sim nhà mạng Viettel số 0972.423.999, số IMEI: 35 072730 306297 4 746430 9; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 đã qua sử dụng, mặt ốp lưng màu xanh dương, máy không gắn thẻ sim, số IMEI: 35 303311 746430 9; 01 thẻ ATM số 9704 0510 4249 0832 mang tên Phạm Văn A.

+ Số tiền 22.815.000 đồng (niêm phong trong phong bì ký hiệu PVA)

Chuyển Phòng thi hành án dân sự khu vực A– Thái Nguyên quản lý theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, Phạm Văn A thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/9/2025 bị cáo đã tự nguyện nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực A- Thái Nguyên số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSKV8 ngày 18/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thái Nguyên, truy tố bị cáo Phạm Văn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo từ 50 triệu đồng đến 80 triệu đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

- Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Số tiền gốc: Buộc bị cáo phải nộp lại vào Ngân sách Nhà nước các khoản tiền gốc bị cáo đã được người vay trả với tổng số tiền là 150.000.000 đồng;

+ Về tiền lãi: Tổng số tiền lãi bị cáo thu được đối với các khoản vay trên là 38.700.000 đồng:

++ Buộc bị cáo phải nộp lại các khoản tiền lãi suất 20% để sung Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 5.666.666 đồng. Ghi nhận bị cáo đã trả cho anh Chu Văn Tr1 số tiền 500.000 đồng, trả cho anh Trần Văn Ng số tiền 2.500.000 đồng nên cần buộc anh Ng nộp lại số tiền 2.500.000 đồng và anh Tr1 phải nộp lại số tiền 500.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền lãi suất 20% bị cáo còn phải nộp lại sung Ngân sách Nhà nước là 2.666.666 đồng.

+ + Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính (số tiền lãi trên 20%) với tổng số tiền là 33.033.334 đồng. Ghi nhận bị cáo đã trả cho anh Trần Văn Ng số tiền 12.500.000 đồng và trả cho anh Chu Văn Tr1 số tiền 2.200.000 đồng. Số tiền lãi trên 20% buộc bị cáo còn phải trả cho anh Lương Công Tr là 18.333.334 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 15 promax, đã qua sử dụng;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ ATM số 9704 0510 4249 0832 mang tên Phạm Văn A và 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel (gắn trong điện thoại iphone 15 promax);

+ Trả lại cho Phạm Văn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 đã qua sử dụng và số tiền 22.815.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo khi khám xét bị cáo. Tuy nhiên cần thiết tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp ngày 04/9/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực A, tỉnh Thái Nguyên để bảo đảm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn (nay là tỉnh Thái Nguyên), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đúng trình tự thủ tục Bộ luật tố tụng Hình sự quy định và có giá trị pháp lý làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, HĐXX xét thấy việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình điều tra họ đã có đầy đủ lời khai, tại phiên tòa bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa và nhận định việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2025, Phạm Văn A đã có hành vi cho Lương Công Tr, Trần Văn Ng và Chu Văn Tr1 vay tổng số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất từ 108%/năm đến 240%/năm, cao gấp 5,4 lần đến 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính tổng số tiền 33.033.334 đồng (sau khi đã trừ đi 20% mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự).

Hành vi nêu trên của Phạm Văn A là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế và hoạt động cho vay tín dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi của bị cáo Phạm Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thái Nguyên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án.

- Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền lãi thu được cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tự nguyện nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực A, Thái Nguyên số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, quy định của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự "*Xem xét xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính...*", HĐXX thấy rằng: Mức độ phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính đã áp dụng là hình phạt tiền vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc các hình phạt bổ sung khác.

[6]. Về Biện pháp tư pháp khác:

- Đối với số tiền gốc của các khoản vay, xác định đây là số tiền phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó khoản tiền gốc đã được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho bị cáo thì buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 150.000.000 đồng.

- Về tiền lãi: Đối với tổng số tiền lãi bị cáo thu được là 38.700.000 đồng:

+ Buộc bị cáo phải nộp lại các khoản tiền lãi suất 20% để sung Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 5.666.666 đồng. Ghi nhận bị cáo đã trả cho anh Chu Văn Tr1 số tiền 500.000 đồng, trả cho anh Trần Văn Ng số tiền 2.500.000 đồng nên cần buộc anh Ng phải nộp lại số tiền 2.500.000 đồng và anh Tr1 phải nộp lại số tiền 500.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền lãi bị cáo còn phải nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước là 2.666.666 đồng.

+ Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính (số tiền lãi trên 20%) với tổng số tiền là 33.033.334 đồng. Ghi

nhận bị cáo đã trả cho anh Trần Văn Ng số tiền 12.500.000 đồng và trả cho anh Chu Văn Tr1 số tiền 2.200.000 đồng. Số tiền lãi trên 20% bị cáo còn phải trả cho anh Lương Công Tr là 18.333.334 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 15 promax, đã qua sử dụng, là điện thoại Phạm Văn A sử dụng vào hành vi phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung Ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại. Còn chiếc sim điện thoại gắn trong máy cần tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 đã qua sử dụng, mặt ốp lưng màu xanh dương, máy không gắn thẻ sim, số IMEI: 35 303311 746430 9 là của bị cáo xét không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi Hành án;

+ Đối với 01 thẻ ATM số 9704 0510 4249 0832 mang tên Phạm Văn A không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo không yêu cầu lấy lại, xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 22.815.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo khi khám xét đối với bị cáo: Quá trình điều tra đã làm rõ số tiền 3.350.000 đồng là tiền sinh hoạt phí của chị Đinh Kiều O vợ bị cáo (là tiền thu được từ hoạt động kinh doanh cửa hàng bán điện thoại của bị cáo) tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14/9/2025 chị O không yêu cầu lấy lại mà đề nghị HĐXX tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo; số tiền còn lại 19.465.000 đồng là tiền Phạm Văn A có được từ việc kinh doanh cửa hàng bán điện thoại di động của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với 01 giấy vay tiền đề ngày 10/6/2020, người vay Trần Tuấn A1: Quá trình điều tra, Trần Tuấn A1 trình bày, ngày 10/6/2020, Tuấn A1 được thỏa thuận vay số tiền 10.250.000 đồng với Phạm Văn A, khi vay lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng (tương đương lãi suất 175%/năm) (không ghi trong giấy vay), Tuấn A1 đã trả lãi 02 tháng cho Phạm Văn A (trả tiền mặt, không có người chứng kiến, không ghi chép lại), đến nay Phạm Văn A yêu cầu Tuấn A1 trả lại số tiền 15.000.000 đồng (gồm số tiền gốc và lãi chưa trả được). Tuy nhiên, Phạm Văn A không thừa nhận các nội dung do Tuấn A1 trình bày, Phạm Văn A khẳng định không thỏa thuận lãi đối với món vay 10.250.000 đồng như trong giấy vay, lý do viết giấy vay vì Tuấn A1 nợ Phạm Văn A nhiều món nợ lẻ nên đã yêu cầu Tuấn A1 viết giấy vay để cam kết trả, Phạm Văn A chưa nhận được tiền lãi nào của món vay 10.250.000 đồng, nay Phạm Văn A yêu cầu Tuấn A1 trả số tiền 15.000.000 đồng gồm 10.250.000 đồng theo giấy vay và một số khoản nợ nhỏ mà Tuấn A1 vay sau

đó chứ không phải tiền lãi của món vay cộng lại. Quá trình điều tra không thu được tài liệu gì ngoài lời khai của các bên, trường hợp xác định số tiền 4.750.000 đồng là lãi của khoản tiền vay thì tính từ thời điểm vay 10/6/2020 đến nay cũng không vi phạm về lãi suất cho vay. Do đó, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý Phạm Văn A về hành vi này.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được: Khoảng tháng 3/2025, Phạm Văn A cho Dìu Văn Th, sinh năm 1996, trú tại thôn K, xã Ng, tỉnh Thái Nguyên vay số tiền 20.000.000đồng (cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 97B1-999.20 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 074729 mang tên Nguyễn Thị Q (mẹ của Dìu Văn Th), với lãi suất thỏa thuận là 1.000.000đồng/01 tháng (tương đương 60%/năm). Thì đã trả cho Phạm Văn A lãi của tháng 04/2025 là 1.000.000đồng. Xét thấy hành vi của Phạm Văn A đối với khoản vay của Dìu Văn Th không cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, Cơ quan điều tra đã chuyển vụ việc đến cơ quan chức năng xem xét xử lý hành chính đối với hành vi này.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000343 ngày 04/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực A, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo khai mục đích nộp để bảo đảm việc thi hành án của bị cáo vì vậy cần tạm giữ để thi hành án.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phạm Văn A 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Về tiền gốc cho vay: Buộc bị cáo Phạm Văn A phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc của các khoản vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

2.2. Về tiền lãi:

- Buộc bị cáo Phạm Văn A phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 2.666.666đ (hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chu Văn Tr1 phải nộp lại số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Ng phải nộp lại số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính (số tiền lãi trên 20%) với tổng số tiền là 33.033.334đ (ba mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng). Ghi nhận bị cáo đã trả cho anh Trần Văn Ng số tiền 12.500.000 đồng và trả cho anh Chu Văn Tr1 số tiền 2.200.000 đồng. Số tiền lãi trên 20% còn lại buộc bị cáo phải trả cho anh Lương Công Tr với tổng số tiền là 18.333.334 đồng.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 15 promax, đã qua sử dụng, mặt ốp lưng màu đen, số IMEI: 35 072730 306297 4 746430 9;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM số 9704 0510 4249 0832 mang tên Phạm Văn A và 01 thẻ sim nhà mạng Viettel số 0972.423.999.

+ Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 đã qua sử dụng, mặt ốp lưng màu xanh dương, máy không gắn thẻ sim, số IMEI: 35 303311 746430 9 để thi hành án cho bị cáo.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 19.465.000đ (mười chín triệu bốn trăm sáu mươi năm nghìn đồng) để thi hành án cho bị cáo.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.350.000đ (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) để thi hành án cho bị cáo.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Phòng Thi hành án dân sự khu vực A, Thái Nguyên.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000343 ngày 04/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực A, tỉnh Thái Nguyên để thi hành án cho bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Văn A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực A;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- CA tỉnh (PC10);
- THA dân sự tỉnh;
- P. Hồ sơ CA tỉnh;
- Bị cáo;
- CA xã N;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hiền Công Hanh